

**BIÊN BẢN**  
**Gỡ niêm yết công khai tại thời điểm tháng 9/2022**

**I. Thời gian – Địa điểm**

- Vào hồi 7h giờ 30 ngày 29 tháng 09 năm 2022
- Tại sân trường Mầm Non Phạm Hồng Thái. Số 191 Phan Bội Châu – Phường Phan Bội Châu – Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng.

**II. Thành phần:**

- |                           |                     |                 |
|---------------------------|---------------------|-----------------|
| 1. Bà Vũ Thị Kim Chi      | - Hiệu trưởng       | - Trưởng ban    |
| 2. Bà Vũ Thị Sen          | - P. Hiệu trưởng    | - P. Trưởng ban |
| 3. Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên | - TT văn phòng      | - Thành viên    |
| 4. Bà Nguyễn Thị Chi      | - TTCM khối 4T + 5T | - Thành viên    |
| 5. Bà Vũ Khánh Ly         | - Trưởng Ban TTND   | - Thành viên    |
| 6. Bà Trần Thị Thu Hà     | - TTCM khối NT + 3T | - Thư ký        |

**Cùng với sự chứng kiến của:**

Ông: Quán Trọng Thao - Trưởng ban đại diện CMTE Nhà trường

**IV. Nội dung:**

- Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc kết thúc công khai thông tin theo quy định trong thời điểm từ tháng 6/2022 đến tháng 9/2022 với các biểu mẫu sau:

**1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

- **Biểu mẫu 1.1:** Kết quả chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt được; chương trình giáo dục đã thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở Nhà trường năm học 2021 - 2022.

- **Biểu mẫu 1.2:** Công khai chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục mầm non thực tế năm học 2021 - 2022

- **Biểu mẫu 1.3:** Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2021 – 2022

- **Biểu mẫu 1.4; 1.5:** Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2021 – 2022.

## 2. Công khai thu chi tài chính:

- **Biểu mẫu 2:** Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2022
- **Biểu mẫu 3, Biểu mẫu 7:** Thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022.

### \*Các khoản thu ngoài ngân sách:

- **Biểu mẫu 4:** Công khai quyết toán thu – chi nguồn khác năm học 2021 - 2022
- **Biểu mẫu 6.3:** Thực hiện dự toán thu - chi năm học 2021 - 2021
- **Biểu mẫu 6.4:** Quyết toán thu – chi năm học 2021 - 2022

## 3. Nhận xét – Kết luận:

- Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai đã thực hiện nghiêm túc việc công khai đúng thời điểm, đúng nội dung.

- Trong quá trình niêm yết công khai nội dung nêu trên trong thời điểm từ tháng 6/2022 đến ngày 29/09/2022 Ban chỉ đạo không nhận được ý kiến thắc mắc của cá nhân, tổ chức nào có liên quan đến nội dung đã công khai.

Biên bản được lập được lập thành 2 bản vào lúc 7h30 phút cùng ngày và đã được thông qua.

**THƯ KÝ**



**Trần Thị Thu Hà**



**HỘI TRƯỞNG**

**Vũ Thị Kim Chi**

## BIÊN BẢN

Niêm yết công khai theo quy định tại thời điểm Tháng 9/2022

### I. Thời gian – Địa điểm

- Vào hồi 7h giờ 45 phút ngày 29 tháng 09 năm 2022
- Tại sân trường Mầm Non Phạm Hồng Thái. Số 191 Phan Bội Châu – Phường Phan Bội Châu – Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng.

### II. Thành phần:

- |                           |                       |                 |
|---------------------------|-----------------------|-----------------|
| 1. Bà Vũ Thị Kim Chi      | - Hiệu trưởng         | - Trưởng ban    |
| 2. Bà Vũ Thị Sen          | - P. Hiệu trưởng      | - P. Trưởng ban |
| 3. Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên | - TT văn phòng        | - Thành viên    |
| 4. Bà Nguyễn Thị Chi      | - TTCM khối 4T + 5T   | - Thành viên    |
| 5. Bà Vũ Khánh Ly         | - Thành viên Ban TTND | - Thành viên    |
| 6. Bà Vũ Thị Thu Huyền    | - Bí thư chi đoàn     | - Thành viên    |
| 6. Bà Trần Thị Thu Hà     | - TTCM khối NT + 3T   | - Thư ký        |

### Cùng với sự chứng kiến của:

Ông: Quán Trọng Thao - Trưởng ban đại diện CMTE Nhà trường

### IV. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc niêm yết công khai thời điểm ngày 29/9/2022 của Trường MN Phạm Hồng Thái theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- **Biểu mẫu 1.1:** Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở Nhà trường.

- **Biểu mẫu 1.2:** Công khai cam kết chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục mầm non thực tế năm học 2022 - 2023

- **Biểu mẫu 1.3:** Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2022 – 20223

- **Biểu mẫu 1.4; 1.5:** Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 – 2023.

### **1.2. Công khai thu chi tài chính:**

\***Công khai Ngân sách:** Niêm yết và giữ nguyên các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo Thông tư 61/2017 và Thông tư 90/2018 về công khai quản lý tài chính.

#### **\*Bổ sung thêm các nội dung công khai:**

- Các văn bản hướng dẫn thu chi năm học 2022 – 2023 của các ban ngành
- Dự kiến thu – chi năm học 2022 – 2023 của trường MN Phạm Hồng Thái theo hướng dẫn theo Nghị quyết 02/NQ-HĐND

2. Thời hạn công khai: Từ ngày 29/9/2022 đến khi có sự thay đổi nội dung liên quan.

3. Địa điểm công khai: Tại bảng tin của Nhà trường

Biên bản được lập được lập thành 2 bản vào lúc 8h00 phút cùng ngày và đã được thông qua.

**THƯ KÝ**



**Trần Thị Thu Hà**



**HIỆU TRƯỞNG**

**Vũ Thị Kim Chi**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Cam kết đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	Thông tư số 28/2016/BGDĐT ngày 30/12/2016	Thông tư số 28/2016/BGDĐT ngày 30/12/2016
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	<p><b>* Cân nặng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kênh Bình thường:</li> <li>+ Đầu năm đạt: 90%.</li> <li>+ Cuối năm đạt: 100%</li> <li>- Kênh suy dinh dưỡng:</li> <li>+ Đầu năm: 2%</li> <li>+ Cuối năm còn: 0%.</li> </ul> <p><b>* Chiều cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kênh Bình thường:</li> <li>+ Đầu năm đạt: 92%.</li> <li>+ Cuối năm đạt: 98%</li> <li>- Kênh thấp còi:</li> <li>+ Đầu năm: 2%</li> <li>+ Cuối năm còn: 0%</li> </ul>	<p><b>* Cân nặng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kênh Bình thường:</li> <li>+ Đầu năm đạt : 90%.</li> <li>+ Cuối năm đạt: 100%</li> <li>- Kênh suy dinh dưỡng:</li> <li>+ Đầu năm: 3%</li> <li>+ Cuối năm còn: 0%</li> </ul> <p><b>* Chiều cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kênh Bình thường:</li> <li>+ Đầu năm đạt : 92%</li> <li>+ Cuối năm đạt: 100%</li> <li>- Kênh thấp còi:</li> <li>+ Đầu năm: 2%</li> <li>+ Cuối năm còn: 0%</li> </ul>
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 1 lần/năm, cân đo và vào biểu đồ tăng trưởng cho trẻ 3 tháng 1 lần.</li> <li>- 100% trẻ được đảm bảo an toàn khi ở trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm, cân đo và vào biểu đồ tăng trưởng cho trẻ 3 tháng 1 lần</li> <li>- 100% trẻ được đảm bảo an toàn khi ở trường.</li> </ul>
3	Chất lượng giáo dục trẻ	<p><b>* Phát triển thể chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu năm đạt: 70%.</li> </ul>	<p><b>* Phát triển thể chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đầu năm đạt: 80%.</li> </ul>

		<p>+ Cuối năm đạt: 98% * Phát triển nhận thức: + Đầu năm đạt: 75% + Cuối năm đạt: 95%. * <b>Phát triển ngôn ngữ:</b> + Đầu năm đạt: 71% + Cuối năm đạt: 97% * <b>Phát triển nhận thức:</b> + Đầu năm đạt 70% + Cuối năm đạt: 98-100% * <b>Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:</b> + Đầu năm đạt: 75 %. + Cuối năm đạt: 92%</p>	<p>+ Cuối năm đạt: 98% * Phát triển nhận thức: + Đầu năm đạt: 78% + Cuối năm đạt: 96%. * <b>Phát triển ngôn ngữ:</b> + Đầu năm đạt: 72% + Cuối năm đạt: 98% * <b>Phát triển nhận thức:</b> + Đầu năm đạt 75% + Cuối năm đạt: 98-100% * <b>Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:</b> + Đầu năm đạt: 80%. + Cuối năm đạt: 98- - <b>Phát triển thẩm mỹ</b> + Đầu năm đạt: 70 % + Cuối năm đạt: 100%</p>
IV	<p>Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)</p>	<p>- Tổ chức các ngày hội cho trẻ như: Ngày hội đến trường của bé, Tết Trung thu, chiến sĩ tí hon, Bé khỏe - ngoan; Tiệc buffet; Tết thiếu nhi 1/6; Lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi.</p> <p>- Tổ chức các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm cho trẻ: thăm doanh trại quân đội, thăm đền liệt sỹ quận, trải nghiệm nông trang làng Việt, thăm dải hoa trung tâm thành phố; khu vui chơi tổng hợp tini.</p> <p>- Tổ chức các lớp học năng khiếu: Vẽ, múa 2 buổi/tuần</p> <p>- Tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh có yếu tố nước ngoài 2 buổi/tuần</p>	

P. Phan Bội Châu, ngày 9 tháng 9 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

*[Handwritten signature]*

\* Vũ Thị Kim Chi

**THÔNG BÁO**  
**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế**  
**Năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học							
			Toàn trường			Trong đó chia ra				
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến ban đầu	Nhà trẻ			Mẫu giáo	
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ em	172	100%			25	55	41	51
		Trẻ học nhóm ghép	0							
		Trẻ học 2 buổi / ngày	172	100%			25	55	41	51
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập	0							
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	172	100%			25	55	41	51
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	172	100%			25	55	41	51

**THÔNG BÁO**  
**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế**  
**Năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học							
			Toàn trường			Trong đó chia ra				
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến ban đầu	Nhà trẻ			Mẫu giáo	
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ em	172	100%				25	55	41
		Trẻ học nhóm ghép	0							
		Trẻ học 2 buổi / ngày	172	100%				25	55	41
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập	0							
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	172	100%				25	55	41



4	Chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ đi học chuyên cần		172	100%				25	55	41		
		Đánh giá chất lượng giáo dục	Trẻ được đánh giá ở mức đạt		172	100%				25	55	41	
			Trẻ được đánh giá ở mức cần cố gắng		0								
			Trẻ được đánh giá ở mức chưa đạt		0								
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		51	100%								
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ		0						0	0	0	

Phan Bội Châu, ngày 09 tháng 09 năm 2022



**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non**  
**Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	8	Số m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	8	
1	Phòng học kiên cố	8	3.5 m <sup>2</sup> /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	1
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	731m <sup>2</sup>	9,09
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	150m <sup>2</sup>	2,2
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	430m <sup>2</sup>	2,6
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )	289	1,4
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	69,8m <sup>2</sup>	0,4
4	Diện tích sân chơi (m <sup>2</sup> )	136,4m <sup>2</sup>	0,8
	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )	50m <sup>2</sup>	
	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	50m <sup>2</sup>	
5	Diện tích nhà bếp và nhà kho (m <sup>2</sup> )	70m <sup>2</sup>	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)	<b>8</b>	Số bộ 01/nhóm (lớp)
<b>1</b>	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	<b>8</b>	
<b>2</b>	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định	<b>0</b>	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	<b>9</b>	Số bộ/sân chơi
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập</b> (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )	<b>36</b>	
1	Ti vi	9	
2	Máy vi tính	8	
3	Máy in	8	
4	Đầu đĩa/đầu video	1	
5	Bộ âm thanh	9	

6	Máy ảnh				
7	Máy chiếu	1			
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác</b>			Số thiết bị/nhóm (lớp)	
1	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)				
2	Máy phô tô				
3	Máy vi tính phục vụ quản lý	5			
4	Bàn ghế đúng quy cách của trẻ	120 bàn/250 ghế			
5	Tủ đựng đồ dùng	10			
6	Giá đồ chơi	60			
7	Thiết bị khác				
..	.....				
<b>XI</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Số lượng (m <sup>2</sup> )			
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /trẻ em
			Chung	Nam/Nữ	Chung
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	05	8	0,4	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*				

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
<b>XII</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XIII</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XIV</b>	<b>Kết nối internet (ADSL)</b>	x	
<b>XV</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	
..	...		

P. Phan Bội Châu, ngày 9 tháng 09 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**



**Vũ Thị Kim Chi**



1	Nhân viên văn thư	1		1													
2	Nhân viên kế toán	1			1												
3	Thủ quỹ	0															
4	Nhân viên nuôi dưỡng	4					4										
5	Lao công	1						1									
6	Nhân viên bảo vệ	3						3									

P. Phan Bội Châu, ngày 9 tháng 09 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
*Phạm Hồng Thái*  
**Vũ Thị Kim Chi**

## THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2022 - 2023 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
Năm học 2022 - 2023	2 năm	Giáo viên	2	Nâng chuẩn	Chính quy	Đại học mầm non
Năm học 2022 - 2023	2 năm	Văn thư	1	Học chuyên môn	Chính quy	Đại học mầm non
Năm học 2023 - 2024	2 năm	Giáo viên	1	Lý luận chính trị	Tại chức	Trung cấp chính trị

P. Phan Bội Châu, ngày 9 tháng 9 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Vũ Thị Kim Chi**



P. Phan Bội Châu, ngày 06 tháng 10 năm 2022

**THÔNG BÁO**

**Các khoản thu năm học 2022 – 2023**

(Thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

**DANH MỤC CÁC KHOẢN THU**

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU											
1	<b>Học phí</b>	Phụ huynh không phải đóng Thành phố hỗ trợ	Thực hiện theo Nghị quyết số 54/2019 của HĐND Thành phố về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc mầm non đến THPT trên địa bàn thành phố HP.								
2	<b>Tổ chức bán trú</b>		<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức quy định (NQ 02)</th> <th>Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>30.000đ/ngày/trẻ</td> <td>30.000đ/ngày/trẻ</td> </tr> <tr> <td>Đối với học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu</td> <td>360.000đ/trẻ/năm</td> </tr> <tr> <td>Các năm học tiếp theo: 200.000đ</td> <td>200.000đ/trẻ/năm</td> </tr> </tbody> </table>	Mức quy định (NQ 02)	Mức thu	30.000đ/ngày/trẻ	30.000đ/ngày/trẻ	Đối với học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu	360.000đ/trẻ/năm	Các năm học tiếp theo: 200.000đ	200.000đ/trẻ/năm
Mức quy định (NQ 02)	Mức thu										
30.000đ/ngày/trẻ	30.000đ/ngày/trẻ										
Đối với học sinh mới tuyển hoặc trang bị lần đầu	360.000đ/trẻ/năm										
Các năm học tiếp theo: 200.000đ	200.000đ/trẻ/năm										
1.1	Tiền ăn (Bao gồm cả chất đốt)										
1.2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (Mua sắm vật dụng chung và đồ dùng cá nhân trẻ)										
3	<b>Chăm sóc bán trú</b>										
2.1	Hỗ trợ cán bộ, nhân viên nấu ăn		150.000đ/trẻ/tháng								
2.2	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính (Đầu giờ, giữa giờ trưa và cuối giờ chiều không quá 3h/ngày)		120.000đ/trẻ/tháng								
2.3	Trông trẻ thứ 7 (Theo nhu cầu đăng ký của phụ huynh)		Thu: 7.500đ/trẻ/giờ x 2h x 22 ngày = 330.000đ/trẻ/tháng								
2.4	Học tiếng anh có yếu tố nước ngoài (Theo nhu cầu đăng ký của phụ huynh)		50.000đ/trẻ/ngày								
2.4	Học tiếng anh có yếu tố nước ngoài (Theo nhu cầu đăng ký của phụ huynh)		40.000/tiết đối với GV nước ngoài 20.000đ/ tiết đối với GV VN								
4	<b>Trông xe:</b> (Mức thu thực hiện theo QĐ số 21/2017/QĐ-UBND ngày 3/11/2017 của UBND thành phố)		- Học 2 buổi/tuần: 4 tiết GV nước ngoài và 4 tiết GV người VN. - Thu: 240.000đ/tháng/trẻ								
			Xe đạp: 30.000đ/tháng								
			Xe đạp: 30.000đ/tháng								
			Xe máy: 50.000đ/tháng								
			Xe máy: 50.000đ/tháng								
5	<b>Quỹ hội CMTE lớp</b>		Trên tinh thần tự nguyện, không cào bằng, miễn, giảm cho các bé có hoàn cảnh khó khăn								
			Không thu quá 500.000đ/trẻ/kỳ và trích về Ban ĐDCMTE trường hoạt động								

T.M NHÀ TRƯỞNG  
HIỆU TRƯỞNG  
MẦM NON  
PHẠM HỒNG THÁI